

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2020/HS-ST

Ngày 09/9/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Thúy

Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lăng Văn Thủy

2. Ông Nguyễn Văn Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Thị Bưởi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Ông Nông Triệu Phi - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 31/2020/TLST-HS ngày 31 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2020/QĐXXST - HS ngày 27 tháng 8 năm 2020 đối với:

Bị cáo: **Bùi Văn T.** Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày 22 tháng 10 năm 1978 tại tỉnh Nam Định.

Nơi ĐKKHKT: Xóm T, thôn Đ, xã Tr, huyện N, tỉnh Nam Định;

Nơi đăng ký tạm trú: Tổ 10, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị H; có vợ: Phạm Thị H; con: có 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 27/02/2017 bị Công an phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn xử phạt về hành vi vi phạm hành chính.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/4/2020 đến ngày 06/05/2020 thì áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Phan Văn T - Sinh năm 1985

Trú tại: Thôn B, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn, vắng mặt.

2. Chị Phạm Thị H- Sinh năm 1979

Trú tại: Tổ 10, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 11 giờ 30 phút, ngày 27/4/2020 tổ công tác Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Bắc Kạn đang làm nhiệm vụ tại địa bàn xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn thì nhận được tin báo của quần chúng nhân dân về việc có một đối tượng nam giới khoảng 40 tuổi, mặc quần bò màu xanh, áo kẻ caro xanh cộc tay, đang ngồi trên xe máy nhãn hiệu Dream có biển kiểm soát 97F2-2078, có biểu hiện nghi vận tàng trữ chất cấm. Tổ công tác đã tiến hành xác minh nguồn tin trên, khi đến khu vực thôn Đ, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn phát hiện đối tượng có đặc điểm như nội dung tin báo. Đối tượng trình bày họ tên là Bùi Văn T, sinh năm 1978, quê quán thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Nam Định, hiện đăng ký tạm trú tại tổ 10, phường N, thành Phố B, tỉnh Bắc Kạn. Tiến hành kiểm tra hành chính trên người Bùi Văn T phát hiện tại túi quần bò phía trước bên trái đang mặc 01 túi bóng nilon không màu, miệng túi có viền kẻ màu đỏ bên trong có 03 gói nhỏ, được gói bằng giấy một mặt màu trắng, một mặt màu vàng đều chứa chất bột màu trắng (Tuần khai nhận là Heroine), niêm phong trong phong bì ký hiệu “A1”. Tạm giữ của Bùi Văn Tuấn 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia loại máy bàn phím, vỏ máy màu đen, bên trong lắp 01 sim Viettel; 01 xe mô tô nhãn hiệu CPI, kiểu dáng Dream có biển kiểm soát 97F2-2078 và số tiền 95.000đ (Chín mươi lăm nghìn đồng).

Tiến hành mở niêm phong, kiểm tra, cân xác định khối lượng 03 (Ba) gói nhỏ chất bột màu trắng nghi là chất ma túy có tổng trọng lượng là 0,20g (Không phẩy hai không gam) được niêm phong trong phong bì ký hiệu “A1”. Sau khi cân được niêm phong trong phong bì ký hiệu “C1” để gửi đi giám định.

Tại Bản kết luận giám định số: 76/KTHS - MT ngày 05/5/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn kết luận: Mẫu chất bột màu trắng trong phong bì ký hiệu “C1” gửi giám định là chất ma túy loại Heroine có tổng khối lượng 0,20g (Không phẩy hai không gam).

Tại Bản cáo trạng số 31/CT-VKSBT ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo Bùi Văn T về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo qui định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Điều luật có nội dung:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

.....
.....
c. Heroine... có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;
.....”

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân giữ nguyên nội dung truy tố đối với bị cáo và đề nghị:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38/BLHS.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn T từ 12 tháng đến 15 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 27/4/2020 đến ngày 06/5/2020.

* Về hình phạt bổ sung là phạt tiền: Không áp dụng đối với bị cáo.

* Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47/BLHS; Điều 106/BLTTHS:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (Một) phong bì ký hiệu “C2” bên trong có giấy gói và vỏ phong bì niêm phong ban đầu;

+ 01 phong bì ký hiệu “T76” bên trong có 0,16g (Không phải mười sáu) gam ma túy loại Heroine cùng phong bì, giấy gói cũ hoàn trả sau giám định.

+ 01 sim Viettel được lắp trong điện thoại Nokia niêm phong trong phong bì ký hiệu “ĐT-T”.

- Trả lại cho chị Phạm Thị H 01 xe mô tô nhãn hiệu CPI, kiểu dáng Dream, Biển kiểm soát 97F2-2078, số máy: CPI150FMG008147; số khung: VDEPCG0031D008147 đã qua sử dụng, xe không có giấy tờ.

- Tịch thu hoá giá sung quỹ Nhà nước: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, kiểu máy bàn phím cứng, vỏ máy màu đen bàn phím số màu trắng.

- Tạm giữ số tiền 95.000đ (Chín mươi năm nghìn đồng) được niêm phong trong phong bì ký hiệu “T-T” để bảo đảm thi hành án cho bị cáo.

* Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi vi phạm như cáo trạng đã truy tố và không có khiếu nại về hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Phan Văn T khẳng định không quen biết với bị cáo Bùi Văn T và không được bán ma túy cho bị cáo Bùi Văn T vào ngày 27/4/2020.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Phạm Thị H khẳng định chiếc xe mô tô nhãn hiệu CPI, kiểu dáng Dream, Biển kiểm soát 97F2 – 2078 là tài sản riêng của chị, việc bị cáo Tuấn sử dụng xe đi mua ma túy chị không biết và chị đề nghị xin lại xe.

Bị cáo nói lời sau cùng xin được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục qui định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa xác định: Do bản thân sử dụng chất ma túy nên vào khoảng 11 giờ 30 phút, ngày 27/4/2020 tại khu vực thôn Đ, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn bị cáo Bùi Văn T đã có hành vi tàng trữ trái phép 0,20g (Không phải hai không gam) chất ma túy loại Heroine, mục đích để sử dụng cho bản thân. Số ma túy này bị cáo mua với người đàn ông có tên T, không biết họ, tuổi, địa chỉ cụ thể tại khu vực thôn Đ, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn với số tiền 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Xét thấy lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó, việc truy tố, xét xử bị cáo Bùi Văn T về tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét tính chất hành vi do bị cáo thực hiện là nguy hiểm, xâm phạm quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương vì vậy cần xử lý nghiêm nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[3]. Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: bị cáo Bùi Văn T có nhân thân xấu. Ngày 27/02/2017 bị Công an phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn xử phạt về hành vi vi phạm hành chính.

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52/BLHS. Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo có mẹ đẻ được tặng thưởng Bằng khen nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4]. Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho bị cáo Bùi Văn T vào ngày 27/4/2020 cơ quan điều tra đã xác minh tại xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn có Phan Văn T, sinh năm 1985, trú tại thôn B, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn có đặc điểm giống với lời khai của bị cáo Bùi Văn T. Cơ quan điều tra đã tiến hành nhận dạng và đối chất tuy nhiên Phan Văn T khẳng định không quen biết bị cáo Bùi Văn T và không được bán ma túy cho bị cáo Bùi Văn T do đó không có cơ sở xử lý đối với Phan Văn T.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo là người sử dụng ma túy, lao động tự do, thu nhập không ổn định. Qua xác minh tại địa phương không có tài sản nên không có khả năng thi hành án do đó không áp dụng.

[6]. Vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47/BLHS; Điều 106/BLTTHS.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (Một) phong bì ký hiệu “C2” bên trong có giấy gói và vỏ phong bì niêm phong ban đầu;

+ 01 phong bì ký hiệu “T76” bên trong có 0,16g (Không phải mười sáu) gam ma túy loại Heroine cùng phong bì, giấy gói cũ hoàn trả sau giám định.

+ 01 sim Viettel được lắp trong điện thoại Nokia niêm phong trong phong bì ký hiệu “ĐT-T”.

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, kiểu máy bàn phím cứng, vỏ máy màu đen bàn phím số màu trắng, cũ đã qua sử dụng là phương tiện phạm tội của bị cáo do đó tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu CPI, kiểu dáng Dream, Biển kiểm soát 97F2 – 2078, số máy: CPI150FMG008147; số khung: VDEPCG0031D008147 xe đã qua sử dụng, xe không có giấy tờ. Quá trình xét xử làm rõ chiếc xe trên là tài sản riêng của chị Phạm Thị Hạnh, việc bị cáo Tuấn sử dụng xe làm phương tiện đi mua ma túy chị Hạnh không biết do đó trả lại xe cho chị Hạnh.

- Số tiền 95.000đ (Chín mươi năm nghìn đồng) là tiền của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội do đó tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo:

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Văn T phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Căn cứ điểm c, khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn T 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 27/4/2020 đến ngày 06/5/2020.

* Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

* Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47/BLHS; Điều 106/BLTTHS.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (Một) phong bì ký hiệu “C2” bên trong có giấy gói và vỏ phong bì niêm phong ban đầu;

+ 01 phong bì ký hiệu “T76” bên trong có 0,16g (Không phải mười sáu) gam ma túy loại Heroine cùng phong bì, giấy gói cũ hoàn trả sau giám định.

+ 01 sim Viettel được lắp trong điện thoại Nokia niêm phong trong phong bì ký hiệu “ĐT-T”.

- Trả lại cho chị Phạm Thị H 01 xe mô tô nhãn hiệu CPI, kiểu dáng Dream, Biển kiểm soát 97F2-2078, số máy: CPI150FMG008147; số khung: VDEPCG0031D008147 đã qua sử dụng, xe không có giấy tờ.

- Tịch thu hoá giá sung quỹ Nhà nước: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, kiểu máy bàn phím cứng, vỏ máy màu đen bàn phím số màu trắng được niêm phong trong phong bì ký hiệu “ĐT-T”.

- Tạm giữ số tiền 95.000đ (Chín mươi năm nghìn đồng) được niêm phong trong phong bì ký hiệu “T-T” để bảo đảm thi hành án cho bị cáo.

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện B ngày 03/8/2020).

- Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

“Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải

thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự”.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND T. Bắc Kạn;
- VKSND T. Bắc Kạn;
- VKSND H. B;
- Công an H. B;
- Chi cục THADS H. B;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lý Thị Thúy